

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 14.2./QĐ-ĐHTM ngày 13... tháng 02... năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Thương mại quốc tế (International Trade)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kinh doanh quốc tế
Mã ngành:	7340120
Chuyên ngành đào tạo:	Thương mại quốc tế
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thương mại quốc tế đã được rà soát gần đây nhất theo Quyết định 838/QĐ-ĐHTM ngày 24/5/2022. Trong lần sửa đổi, bổ sung này có điều chỉnh tên và nội dung một số học phần Tiếng Anh như sau:

Học phần hiện nay		Học phần điều chỉnh	
Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC
Tiếng Anh chuyên ngành 1	2 (24,12)	Tiếng Anh thương mại 1	2 (24,12)
Tiếng Anh chuyên ngành 2	2 (24,12)	Tiếng Anh thương mại 2	2 (24,12)

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung:

Chương trình Thương mại quốc tế là CTĐT định hướng ứng dụng, nhằm mục tiêu đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có đủ kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, pháp luật nói chung và có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng nghề nghiệp về Kinh doanh quốc tế; từ đó sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng nhằm phân tích, giải quyết vấn đề, tham gia hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh trên thị trường quốc tế; Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động Thương mại quốc tế của các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước; ngoài ra có thể làm việc ở các cơ quan quản lý các cấp về hoạt động kinh doanh quốc tế đồng thời có cơ hội tiếp tục học tập và cơ hội làm việc tại các cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu.

- Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại quốc tế cung cấp cho người học các kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia chuyên ngành Thương mại quốc tế, kiến thức nền tảng về nền kinh tế và kiến thức cơ sở ngành Kinh doanh quốc tế cùng các kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về ngành và chuyên ngành Thương mại quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa. Đồng thời người học cũng có các kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh.

Người học sau khi hoàn thành khóa học được trang bị đầy đủ các kỹ năng về nghề nghiệp của ngành Kinh doanh quốc tế và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Thương mại quốc tế như kỹ năng lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu và phát triển, giải quyết các vấn đề về kinh doanh quốc tế và đầu tư quốc tế của doanh nghiệp; Kỹ năng giao dịch, soạn thảo hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa; đồng thời có khả năng tư duy và giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng bổ trợ như kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình; kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng tiếng anh.

Khóa học cũng nhằm đào tạo người học thành một công dân có ý thức chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, Tuân thủ các quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp và có thái độ nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp; tự giác, có trách nhiệm đối với công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực, có khả năng làm việc độc lập, tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Thương mại quốc tế đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế; nắm vững những nguyên lý quy luật tự nhiên, xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội, kiến thức của ngành và chuyên ngành đào tạo bao gồm:

PLO1: Có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin và ngoại ngữ để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế.

PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế học bao gồm các kiến thức về Kinh tế học vi mô và vĩ mô và các nhánh của Kinh tế học, từ đó có khả năng phân tích các vận động của nền kinh tế trong nước và thế giới, các vấn đề nảy sinh trong quá trình hội nhập Kinh tế quốc tế; nghiên cứu và dự báo các tình huống, các biến động môi trường kinh tế, kinh doanh quốc tế trong thực tế.

PLO3: Vận dụng được các nguyên lý chung về Kinh doanh quốc tế, đầu tư quốc tế, Thương mại quốc tế để có thể đánh giá các vấn đề, các tình huống Kinh doanh quốc tế trong thực tế.

PLO4: Vận dụng các kiến thức lý thuyết chuyên sâu thuộc chuyên ngành để có thể đánh giá các vấn đề Kinh doanh quốc tế trong các tổ chức trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp, tập đoàn trong nước và các tập đoàn đa quốc gia, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức hỗ trợ trong tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành Kinh doanh quốc tế và có thể liên thông sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Thương mại quốc tế có kỹ năng chuyên nghiệp về Kinh doanh quốc tế ở các cấp độ khác nhau, từ thực hành tác nghiệp đến hoạch định chính sách, bao gồm:

PLO6: Có khả năng, kỹ năng nghề nghiệp nhằm hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch và quản lý hoạt động Kinh doanh quốc tế của các tổ chức, tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Kỹ năng lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu và phát triển, giải quyết các vấn đề về kinh doanh quốc tế và đầu tư quốc tế của doanh nghiệp

PLO7: Có khả năng kỹ năng nghề nghiệp nhằm xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát các hoạt động Kinh doanh quốc tế tại các các tổ chức, các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia bao gồm: Kỹ năng nghiên cứu và đánh giá các thị trường, Kỹ năng giao dịch, soạn thảo hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa, Kỹ năng lập chương trình vượt rào cản thuế quan và các rào cản phi thuế khác như hàng rào kỹ thuật, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ trong xuất nhập khẩu hàng hóa.

PLO8: Có khả năng kỹ năng nghề nghiệp nhằm xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động đầu tư quốc tế tại các tổ chức, các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia.

PLO9: Vận dụng đúng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh tế quốc tế nói chung và Kinh doanh quốc tế nói riêng để giải quyết các vấn đề có liên quan; có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Thương mại quốc tế:

PLO10: Có khả năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện, khả năng tư duy giải quyết vấn đề; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá

nhận; có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp;

PLO11: Có kỹ năng xây dựng và làm việc nhóm, có khả năng làm việc độc lập, tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ, thích ứng với những thay đổi của môi trường, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

PLO12: Tuân thủ các quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp và có thái độ nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp; tự giác, có trách nhiệm đối với công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

PLO13: Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

PLO13: Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

PLO14: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học

e) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		40	
1.1	Giáo dục đại cương		29	
<i>1.1.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		27	
1	Triết học Mác Lênin	MLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCM10121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM10111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác Lênin	RLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	HCM10131	2	21,18
6	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
7	Tiếng anh 1	ENTH1411	2	24,12
8	Tiếng anh 2	ENTH1511	2	24,12
9	Tiếng anh 3	ENTH1611	2	24,12
10	Tin học quản lý	INFO0311	3	36,18
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
12	Toán đại cương	AMAT1011	3	36,18
<i>1.1.2</i>	<i>Các học phần tự chọn</i>		2	
	<i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>			
1	Tâm lý học lao động	TMKT2311	2	24,12
2	Kinh tế phát triển	FECO2011	2	24,12
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	RLCP0221	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất		3	
<i>1.2.1</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>		1	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	12,18
<i>1.2.2</i>	<i>Học phần tự chọn</i>		2	
	<i>Chọn 2 TC trong số các HP sau</i>			
1	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC1721	1	12,18
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18

1.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		91	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		28	
2.1.1.	Các học phần bắt buộc		17	
1	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
2	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18
3	Kinh tế quốc tế 1	FECO1711	3	36,18
4	Khoa học hàng hóa	ITOM1612	2	24,12
5	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
6	Tiếng anh thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
7	Tiếng anh thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
2.1.2.	Các học phần tự chọn		11	
	<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>			
1	Kinh tế đầu tư quốc tế	FECO2022	3	36,18
2	Kinh tế lượng	AMAT0411	3	36,18
3	Nguyên lý kế toán	FACC0111	3	36,18
4	Marketing căn bản	BMKT0111	3	36,18
5	Quản trị chuỗi cung ứng	BLOG2011	3	36,18
6	Quản trị rủi ro	BMGM0411	2	24,12
7	Kinh tế lao động	FECO1611	2	24,12
8	Quản trị học	BMGM0111	3	36,18
9	Quản trị tài chính 1	FMGM0231	3	36,18
10	Chuyển đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
11	Quản trị chiến lược	SMGM0111	3	36,18
12	Quản trị công ty	SMGM3111	3	36,18
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)		41	
2.2.1.	Các học phần bắt buộc		30	
1	Kinh doanh quốc tế*	ITOM1312	3	34,12,5
2	Đầu tư quốc tế	FECO2411	3	36,18
3	Quản trị đa văn hóa	ITOM1811	3	36,18
4	Quản trị chiến lược toàn cầu	SMGM2211	3	36,18
5	Quản lý môi trường trong thương mại quốc tế	FECO2511	3	36,18
6	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế*	ITOM 0512	3	34,12,5
7	Nghiệp vụ hải quan	ITOM1721	3	36,18

8	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	ITOM1511	3	36,18
9	Đàm phán thương mại quốc tế	ITOM1621	3	36,18
10	Hội nhập kinh tế quốc tế	ITOM2011	3	36,18
2.2.2.	Các học phần tự chọn		11	
	<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>			
1	Quản trị Logistics kinh doanh	BLOG1511	3	36,18
2	Marketing quốc tế	MAGM0211	3	36,18
3	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	BKSC2411	3	36,18
4	Quản trị thương hiệu 1	BRMG2011	3	36,18
5	Luật Kinh tế 1	PLAW0321	3	36,18
6	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	FMGM2411	3	36,18
7	Quản trị nhân lực quốc tế	HRMG2111	2	24,12
8	Logistic quốc tế	BLOG3051	3	36,18
9	Kinh tế doanh nghiệp	BMGM1021	2	24,12
10	Quản trị kênh phân phối	BLOG 2111	2	24,12
11	Chiến lược kinh doanh quốc tế	SMGM2111	3	36,18
12	Quản trị đổi mới, sáng tạo	SMGM1111	3	36,18
2.3.	Kiến thức bổ trợ		12	
2.3.1.	Các học phần bắt buộc		6	
1	Chính sách kinh tế quốc tế	FECO2211	3	36,18
2	Kinh tế khu vực và ASEAN	FECO2031	3	36,18
2.3.2.	Các học phần tự chọn		6	
	<i>Chọn 06 TC trong các HP sau:</i>			
1	Thương mại điện tử căn bản	PCOM0111	3	36,18
2	Mua và quản trị nguồn cung	BLOG3041	3	36,18
3	Quản lý tài sản trí tuệ	BRMG2312	3	36,18
4	Quản trị dịch vụ	TEMG2911	3	36,18
5	Thị trường chứng khoán	BKSC2311	3	36,18
6	Logistics trong thương mại điện tử	BLOG3111	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học		10	
2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	REPE1311	3	0,90
2.4.2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	LVVE1611	7	0,210

Ghi chú:

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học

tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn

- Học phần có đánh dấu * là học phần có giờ giảng thực tế

8.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)

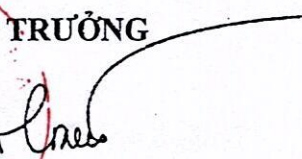
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	12-13TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-16TC
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	Giáo dục quốc phòng – an ninh	08 TC
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	16-17 TC
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		Tổng cộng	15-17 TC
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-17TC
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17TC
8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	16-18TC
9	KỲ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp	10TC

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
		khóa học	
10	TỔNG CỘNG		131TC


Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 THƯƠNG MẠI



PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Duy Đạt

PHỤ LỤC:

MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1 Các học phần bắt buộc

Triết học Mác - Lê Nin

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).

Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư

tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh 1

Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John

Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếng Anh 2

Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

Toán đại cương

Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân).

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Tin học quản lý

Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows),

hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

1.2 Các học phần tự chọn

Tâm lý học lao động

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về tâm lý học lao động; cơ sở tâm lý của tổ chức quá trình lao động và quản trị nhóm; tâm lý học an toàn lao động; giao tiếp và nghệ thuật đàm phán nhân sự; đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và các kích thích tâm lý người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần trả công lao động, quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Kinh tế phát triển

Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế : lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật. Các chính sách phát triển kinh tế : chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt nam.

Lịch sử các học thuyết kinh tế

Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay; Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường; Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta; Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

a.Các học phần bắt buộc

Kinh tế vi mô 1

Kinh tế vi mô 1 là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường

hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phân đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Kinh tế quốc tế 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

Khoa học hàng hóa

Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân loại, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, các yêu cầu chung đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động đến chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc bảo quản, đồng thời đề cập đến vấn đề tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật cũng như tác động của nó đến sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Khởi sự kinh doanh

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Tiếng Anh thương mại 1

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

Tiếng Anh thương mại 2

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

b. Các học phần tự chọn

Kinh tế đầu tư quốc tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về Kinh tế đầu tư quốc tế. Học phần cũng tìm hiểu bản chất của hoạt động đầu tư quốc tế, các lý thuyết cơ bản về đầu tư quốc tế, vai trò quan trọng của đầu tư quốc tế đối với tăng trưởng, phát triển mọi mặt của kinh tế, xã hội và doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần cũng phân tích rõ các yếu tố cấu thành nên môi trường đầu tư quốc tế, ảnh hưởng của nó đến kết quả hiệu quả của hoạt động đầu tư quốc tế. Học phần cũng nghiên cứu về tự do hóa đầu tư và các hiệp định đầu tư quốc tế bên cạnh các chính sách có liên quan đến đầu tư quốc tế.

Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

Marketing căn bản

Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing-mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Quản trị chuỗi cung ứng

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

Quản trị rủi ro

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro ; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

Kinh tế lao động

Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở ngành cốt lõi và những ứng dụng thực tiễn để phân tích những nguyên lý kinh tế chi phối ba nhân tố trong thị trường lao động là người lao động, doanh nghiệp và chính phủ, bao gồm việc phân tích thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu lao động của doanh nghiệp cũng như các nhân tố chi phối người lao động khi tham gia cung ứng lao động trên thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến tiền công, mối quan hệ giữa tiền công và năng suất lao động, phân tích lợi ích và chi phí của doanh nghiệp và người lao động trong việc đào tạo lao động, các chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách tới thị trường lao động.

Quản trị học

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Quản trị tài chính I

Nội dung của học phần Quản trị tài chính I bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

Chuyển đổi số trong kinh doanh

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí,

quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Quản trị công ty

Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành

a. Các học phần bắt buộc

*Kinh doanh quốc tế**

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Đầu tư quốc tế

Học phần nghiên cứu những hình thức cơ bản về Đầu tư quốc tế. Nghiên cứu cụ thể sự hình thành và phát triển của hoạt động Đầu tư quốc tế, tại sao các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động đầu tư quốc tế, bản chất, đặc điểm và các hình thức của ĐTQT, vai trò của từng loại hình đầu tư quốc tế với nước nhận đầu tư, nước đầu tư và nhà đầu tư; bên cạnh đó cũng xem xét đến các vấn đề còn nhiều tranh luận liên quan đến đầu tư quốc tế; học phần đồng thời nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài với hình thức và nội dung cơ bản có liên quan.

Quản trị đa văn hóa

Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế

giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

Quản trị chiến lược toàn cầu

Học phần Quản trị chiến lược toàn cầu trang bị những kiến thức, nguyên lý cơ bản và có hệ thống về quản trị chiến lược trong bối cảnh kinh doanh toàn cầu; giúp người học có thể phân tích bối cảnh kinh doanh toàn cầu và dự báo xu hướng phát triển trong tương lai. Thông qua nghiên cứu quy trình và nội dung của các giai đoạn quản trị chiến lược toàn cầu, người học có thể hiểu và ứng dụng để hoạch định nội dung chiến lược toàn cầu và các cách quản trị vận hành của các công ty toàn cầu trong kế hoạch xâm nhập và phát triển thị trường quốc tế.

Quản lý môi trường trong thương mại quốc tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về môi trường và thương mại quốc tế, sự tăng cường áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn cầu được thể hiện thông qua các hiệp định môi trường đa biên và đặc biệt là bảo vệ môi trường trở thành yêu cầu mang tính bắt buộc đối với các hiệp định thương mại tự do song và đa phương. Bên cạnh đó cũng luận giải đầy đủ về các nguyên tắc, bản chất hình thành và các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các rào cản kỹ thuật môi trường trong thương mại quốc tế từ đó giúp cho người học không chỉ nhận biết được mà còn đánh giá được ảnh hưởng cũng như có cơ sở khoa học đưa ra các biện pháp nhằm vượt qua các rào cản khi tham gia trực tiếp vào các hoạt động thương mại quốc tế. Học phần cũng đồng thời cung cấp cho người học những nội dung cơ bản nhất về vấn đề quản lý nhà nước về môi trường trong hoạt động thương mại, một số hàng rào kỹ thuật môi trường với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam phải đối mặt và một số hệ thống quản lý môi trường hiệu quả đối với doanh nghiệp khi tham gia hoạt động thương mại quốc tế.

Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương thức và điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quá trình giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, điều hành quy trình thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị rủi ro trong tác nghiệp thương mại quốc tế

Nghiệp vụ hải quan

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về hải quan, trị giá hải quan, thủ tục hải quan cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan và quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Đặc biệt, học phần cũng cung cấp cho người học những hiểu biết, kỹ năng cần thiết để thực hiện khai hải quan và làm thủ tục hải quan đối với các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Học phần cũng đề cập đến cơ sở luận và thực tiễn về hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan để đảm bảo hạn chế được các gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.

Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế

Học phần Quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.

Đàm phán thương mại quốc tế

Học phần Đàm phán thương mại quốc tế nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm đặc điểm và vai trò của đàm phán thương mại quốc tế, các hình thức đàm phán thương mại quốc tế, một số chiến lược, các phương pháp tiếp cận trong đàm phán thương mại quốc tế. Đặc biệt học phần nghiên cứu về văn hóa đàm phán của một số đối tác trên thế giới; những nội dung, các kỹ thuật, quy trình tổ chức đàm phán ký kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như nội dung, quy trình tiến hành đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế. Ngoài những kiến thức cơ bản về đàm phán thương mại quốc tế, người học còn được cung cấp những tình huống về đàm phán ký kết hợp đồng và đàm phán ký kết hiệp định thương mại quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế

Học phần Hội nhập kinh tế quốc tế giới thiệu về bản chất, mục tiêu và nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế, các giai đoạn phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế, các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, những nhân tố thúc đẩy và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Từ nội dung khái quát đó, học phần phân tích sâu hơn về các hình thức hội nhập, bao gồm hội nhập kinh tế toàn cầu và hội nhập kinh tế khu vực, chỉ ra đặc trưng của mỗi hình thức cùng với những thông tin thực tế, cụ thể về hội nhập trong khuôn khổ WTO, hội nhập trong khu vực ASEAN, APEC, EU,... và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam khi tham gia tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

b. Các học phần tự chọn

Quản trị logistics kinh doanh

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một cách khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả

năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

Marketing quốc tế

Học phần bao gồm hai phần:

+ *Phân tích thị trường và quản trị thời cơ marketing quốc tế*: Khái quát các quan điểm quản trị marketing quốc tế, phân tích các nhân tố môi trường marketing quốc tế và thị trường quốc tế làm cơ sở đánh giá và quản trị thời cơ marketing quốc tế của công ty kinh doanh.

+ *Quản trị marketing quốc tế*: Chiến lược marketing quốc tế, quản trị các nỗ lực marketing-mix và từng thành tố của marketing mix trên thị trường quốc tế, tổ chức và kế hoạch hóa marketing quốc tế của công ty kinh doanh.

Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu.

Quản trị thương hiệu 1

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

Quản trị tài chính công ty đa quốc gia

Nội dung của học phần Quản trị tài chính công ty đa quốc gia bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính công ty đa quốc gia; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị tài trợ ngắn hạn; Quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài; Chi phí vốn và kết cấu vốn của công ty đa quốc gia; Quản trị tài trợ dài hạn; Môi trường thuế quốc tế và tác động tới chính sách của công ty đa quốc gia.

Luật kinh tế 1

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

Logistic quốc tế

Học phần logistics quốc tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Học phần mô tả cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế và việc sử dụng các hoạt động thuê ngoài logistics trong bối cảnh thương mại toàn cầu. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế có thể thích nghi các hoạt động tầm chiến lược và tác nghiệp của mình trước những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh quốc tế.

Kinh tế doanh nghiệp

Học phần có vị trí là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp, kinh tế quốc tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, tiếng Anh thương mại; Là học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành: Quản lý kinh tế, thương mại quốc tế trong Trường Đại học Thương mại. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiêu thụ, cung ứng, hoạt động sản xuất và hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ của doanh nghiệp. Đồng thời học phần trang bị kỹ năng ra quyết định kinh tế trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; Đảm bảo các nguồn lực và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp; Các nguồn lực chủ yếu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành kinh tế và quản trị trong chương trình đào tạo ngành kinh tế và một số chương trình đào tạo có liên quan trong Trường.

Quản trị kênh phân phối

Học phần quản trị kênh phân phối là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn về quản trị chiến lược kênh phân phối gắn với một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng hiện đại. Học phần trang bị những kiến thức nền tảng như vị trí, vai trò, đặc tính và chức năng của kênh phân phối trong chuỗi cung ứng. Từ đó trình bày khung lý luận cơ bản về quản trị chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối theo trình tự: Phân tích môi trường, thiết kế cấu trúc, lựa chọn chiến lược và quản lý chiến lược kênh phân phối. Đây là khung khổ cốt lõi để có được các chiến lược kênh phân phối thích nghi với thị trường và chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Học phần cũng đề cập tới cấu trúc và chiến lược kênh phân phối của các loại hình doanh nghiệp đầu mối cơ bản trong chuỗi cung ứng như bán lẻ, bán buôn và hình thức nhượng quyền, giúp người học có cái nhìn toàn diện và linh hoạt khi tiếp cận các tình huống chiến lược kênh phân phối trong thực tế.

Chiến lược kinh doanh quốc tế

Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế (CLKDQT) là học phần chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh; bao gồm những nội dung, kiến thức căn bản về quản trị CLKDQT và vận dụng thực tiễn của DN trong kinh doanh quốc tế nói chung. Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế được chia thành 5 chương chính. Chương 1 đề cập tới những diễn biến hiện thời trên thị trường quốc tế, đánh giá những động cơ thúc đẩy một doanh nghiệp cần và nên thực hiện kinh doanh quốc tế. Chương 2 và chương 3 phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của DN kinh doanh quốc tế. Chương 4 trình bày những chiến lược kinh doanh quốc tế điển hình mà doanh nghiệp theo đuổi, dựa trên 2 biến số thích ứng địa phương và tích hợp toàn cầu. Chương 5 cung cấp cái nhìn đầy đủ về tổ chức triển khai CLKDQT của doanh nghiệp và các vấn đề về quản trị sự thay đổi và xung đột trong kinh doanh.

Quản trị đổi mới, sáng tạo

Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo gồm 5 Chương. Chương 1 đưa ra các kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo. Chương 2 giới thiệu nội dung đầu tiên trong quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là phân tích môi trường và tìm kiếm cơ hội và nguồn cho đổi mới sáng tạo. Chương 3 tập trung vào nội dung thứ 2 của quy trình đổi mới sáng tạo đó là lựa chọn định hướng đổi mới sáng tạo, Chương 4 là nội dung thứ 3 của quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là triển khai. Và cuối cùng chương 5 cung cấp kiến thức về nội dung và các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.

2.3 Kiến thức bổ trợ

a. Học phần bắt buộc

Chính sách kinh tế quốc tế

- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các chính sách thương mại quốc tế bao gồm khái niệm, các bộ phận cấu thành của chính sách thương mại quốc tế cũng như các xu hướng phát triển chủ yếu của thế giới ảnh hưởng chính sách thương mại quốc tế của một quốc gia.

- Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản của chính sách thương mại quốc tế, chính sách đầu tư quốc tế, chính sách tài chính và hệ thống tiền tệ quốc tế cũng các định chế điều tiết chính sách thương mại quốc tế của một quốc gia.

Kinh tế khu vực và ASEAN

Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về liên kết kinh tế khu vực, sự hình thành và phát triển của Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đặc điểm của Cộng đồng Kinh tế ASEAN với các tổ chức liên kết kinh tế khu vực điển hình trên thế giới. Học phần đồng thời nghiên cứu đặc điểm và các chính sách kinh tế của các quốc gia ASEAN 6 và CLMV qua từng thời kỳ phát triển, cũng như cơ hội hợp tác kinh tế giữa các quốc gia thành viên.

b. Học phần tự chọn

Thương mại điện tử căn bản

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Mua và quản trị nguồn cung

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ và mức độ cạnh tranh ngày càng tăng cao, các doanh nghiệp phải không ngừng nỗ lực để tìm cách cải thiện hiệu suất và phân biệt với đối thủ. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, các nhà cung cấp có thể có tác động lớn đến tổng chi phí, đồng thời trợ giúp các doanh nghiệp trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Rõ ràng, trong tình thế như vậy, hoạt động mua và quản lý nguồn cung đóng vai trò vô cùng quan trọng. Các công ty cần phải thay đổi sự tập trung của mình từ việc mua hàng theo các giao dịch đơn thuần sang một cái nhìn rộng hơn, chiến lược hơn, để nắm bắt được tất cả các hoạt động liên quan đến quá trình mua sắm, từ việc xác định nhà cung cấp tiềm năng, xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp, cho đến việc đảm bảo đáp ứng đúng yêu cầu về số lượng và chất lượng hàng hóa cũng như phát triển các chiến lược nhằm đảm bảo nguồn cung không bị gián đoạn. Xuất phát từ thực tế trên, học phần Mua và quản lý nguồn cung sẽ cung cấp những kiến thức khái quát nhất liên quan đến hoạt động mua hàng và quản lý nguồn cung tại các doanh nghiệp, từ đó giúp sinh viên nhận thức được các nhu cầu đặt ra khi tiến hành hoạt động mua hàng, đồng thời hiểu được vai trò của hoạt động này đối với thành công tại mỗi doanh nghiệp hiện nay.

Quản lý tài sản trí tuệ

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu...

Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.

Quản trị dịch vụ

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.

Logistics trong thương mại điện tử

Học phần cung cấp các kiến thức của toàn bộ quá trình hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động logistics trong thương mại điện tử. Học phần gồm có 6 chương, bắt đầu với phần giới thiệu về logistics TMĐT với những tính chất đặc trưng của logistics trong bối cảnh kinh tế mạng. Chương 2 nghiên cứu các yếu tố hạ tầng căn bản của hệ thống logistics thương mại điện tử. Chương 3 mô tả các hoạt động logistics đầu vào trong thương mại điện tử. Chương 4 tiếp nối với các hoạt động logistics đầu ra trong thương mại điện tử. Chương 5 đề cập về hoạt động vận chuyển và quản lý kho hàng trong logistics TMĐT. Chương cuối cùng, trình bày về các loại hình logistics bán lẻ và xuyên biên giới để doanh nghiệp có thể hiện thực hóa một cách thành công các cơ hội kinh doanh trong nền kinh tế mạng.

2.4 Thực tập tốt nghiệp

Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp

Học phần Thực tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của các chuyên ngành đào tạo thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: Tìm hiểu cơ cấu, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/ tổ chức; tìm hiểu các nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế nói riêng của doanh nghiệp/tổ chức; phát hiện các vấn đề đặt ra tại doanh nghiệp/tổ chức.

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Học phần là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của các chuyên ngành đào tạo thuộc khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: Tìm hiểu cơ cấu, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/ tổ chức; tìm hiểu các nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức; phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh tế quốc tế, kinh doanh

quốc tế nói riêng của doanh nghiệp/tổ chức; phát hiện các vấn đề đặt ra tại doanh nghiệp/tổ chức; tổng hợp các lý thuyết có liên quan đến vấn đề được phát hiện tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá toàn diện nội dung và có giải pháp hiệu quả cho vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp.